



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0909 210 925 - 0947 879 866 / Hotline: 0971 846 393 (zalo)
Website: giamsatmoitruong.com.vn/ Email: mtdaiphu@gmail.com



Mã số/ Ref. No: 04398/2026/PKQ (26.2995)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

- Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA
- Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: KCN AN PHƯỚC - Xã An Phước, Thành phố Đồng Nai
- Loại mẫu/ Type of sample: Nước thải
- Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
26.2995.NT.01	Nước thải sau Hệ thống XLNT tập trung KCN An Phước	X=1199328, Y=0412465

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 03/06/2026

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 10/06/2026

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 40:2011/BTNMT
				26.2995.NT.01	Cmax ⁽¹⁾
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,08	6 ÷ 9
2	Nhiệt độ ^(a)	°C	SMEWW 2550B:2023	30,3	40
3	Clo dư ^(a)	mg/L	HDCV/ĐN-H08	0,15	0,9
4	Độ màu ^(a)	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	21,4	50
5	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (MDL=3)	45
6	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	39,2	67,5
7	BOD ₅ ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	18,5	27
8	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	<3	4,5
9	Cl ⁻ ^(a)	mg/L	TCVN 6194:1996	128	450
10	F ⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-F.B&D:2023	0,319	4,5
11	S ²⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,03)	0,18
12	Tổng Nito ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	11,2	18
13	Tổng Phosphor ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,56	3,6
14	CN ⁻ ^(a)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (MDL=0,001)	0,063
15	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(a)	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (MDL=0,02)	0,1
16	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(a)	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (MDL=0,3)	1

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
- Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0909 210 925 - 0947 879 866 / Hotline: 0971 846 393 (zalo)
Website: giamsatmoitruong.com.vn/ Email: mt-daiphu@gmail.com



17	Tổng dầu mỡ khoáng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1)	4,5
18	Tổng Phenol ^(a)	mg/L	SMEWW 5530C:2023	KPH (MDL=0,001)	0,09
19	Coliform ^(a)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	330	3.000
20	Fe ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,11	0,9
21	As ^(a)	mg/L	SMEWW 3114C:2023	KPH (MDL=0,001)	0,045
22	Cu ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	1,8
23	Zn ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,14	2,7
24	Mn ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,025)	0,45
25	Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(a)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL=0,003)	0,045
26	Hg ^(a)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (MDL=0,0003)	0,0045
27	Cd ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,001)	0,045
28	Ni ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,04)	0,18
29	Pb ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,0045	0,09
30	Crom (III) (Cr ³⁺) ^(a)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL=0,025)	0,18

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
3. (1): Cột A, K_a = 0,9 và K_f = 1,0

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY